

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2018/DS - ST**
Ngày 10/01/2018
V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Hóa và ông Nguyễn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2017/TLST-DS, ngày 04/10/2017, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T T, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Trú tại: Khu phố 5, thị trấn V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1983.

Bị đơn: Ông Hồ Văn M, sinh năm 1971. Có mặt.

Trú tại: Xóm 4, thôn 4, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1983. Có mặt.

Trú tại: Tổ 2, khu phố 3, thị trấn V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bà Ngô Thị Lệ T, sinh năm 1971. Có mặt.

Trú tại: Xóm 4, thôn 4, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Trú tại: Khu phố 5, thị trấn V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của ông C: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1983.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/9/2017, những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bản tự khai của bà Nguyễn Thị T T và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M tại phiên tòa hôm nay thì:

Do có quen biết với bà Nguyễn Thị M và được bà M giới thiệu nên ông Hồ Văn M đến nhà bà T hỏi vay của vợ chồng bà T, ông C số tiền 300.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày 29/6/2016 đến ngày 29/8/2016. Nhưng đến ngày 31/10/2017, mặc dù vợ chồng bà T, ông C đã nhiều lần yêu cầu ông M trả nợ nhưng ông M vẫn không chịu trả. Do đó, tại phiên tòa hôm nay bà M khẳng định ông M còn nợ bà T, ông C số tiền là 300.000.000 đồng. Vì vậy, bà M yêu cầu ông M và vợ là bà Ngô Thị Lệ T phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà T, ông C số tiền là 300.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 29/8/2016 cho đến nay.

Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bị đơn ông Hồ Văn M tại phiên tòa hôm nay thì:

Vào năm 2016, ông có vay tiền của bà T thông qua bà M với số tiền là: 200.000.000 đồng, sau đó bà M và bà T đã thống nhất cộng tiền lãi vào thành 300.000.000 đồng và yêu cầu ông M viết giấy nhận nợ với số tiền này. Ông M đã trả cho bà T thông qua bà M được số tiền là: 110.000.000 đồng. Hiện nay, ông M chỉ còn nợ 190.000.000 đồng. Nhưng nếu bà T cho ông M thời gian đến tháng 3/2018 (âm lịch), ông M sẽ trả đủ một lần cho bà T số tiền là: 300.000.000đ, còn bà T không đồng ý với yêu cầu của ông M, thì ông M chỉ đồng ý trả cho bà T mỗi tháng 2.000.000đ, cho đến khi trả đủ số tiền 300.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo như đã thỏa thuận mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 29/6/2016 cho đến ngày hôm nay. Ngoài ra, số tiền này là nợ riêng của ông M và ông M sẽ tự chịu trách nhiệm trả cho bà T, ông C. Bà T vợ ông không liên quan đến số nợ này.

Theo bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M tại phiên tòa hôm nay thì:

Bà M là người đứng ra bảo lãnh cho ông M vay số tiền là: 300.000.000 đồng của vợ chồng bà T, ông C. Số tiền 110.000.000 đồng mà ông M chuyển qua cho bà M thì không liên quan đến số tiền 300.000.000 đồng mà ông M đã vay của vợ chồng bà T. Trong quá trình vay, ông M chưa trả tiền cho bà T, ông C. Hiện nay ông M còn nợ vợ chồng bà T, ông C số tiền là 300.000.000 đồng với lãi suất theo thỏa thuận là 20%/năm.

Theo bản tự khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Lệ T tại phiên tòa hôm nay thì:

Bà T là vợ ông Hồ Văn M, việc ông M vay tiền của bà T, ông C bà hoàn toàn không biết, vì ông M cũng như bà T không nói bà biết. Chỉ sau này, bà M có gọi báo cho bà biết là chồng bà (ông M) vay tiền của bà T cả tiền lãi, cộng tiền gốc lên gần

400.000.000 đồng, thì bà mới biết, nhưng vì ông M nói tiền này ông M vay dùm cho bạn nên bà không có ý kiến gì. Do đó, số tiền ông M còn nợ bà T thì ông M tự chịu trách nhiệm, bà không liên quan và không đồng ý chịu trách nhiệm cùng với ông M trả tiền cho bà T, ông C.

Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Bà Nguyễn Thị T T cung cấp cho Tòa án chứng cứ gồm: 01 giấy mượn tiền (bản gốc).

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị T T và ông Hồ Văn M không thống nhất được những vấn đề liên quan trong vụ án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị xem xét áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và các điều 146, 147, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 305, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T T.

- Buộc ông Hồ Văn M và bà Ngô Thị Lệ T phải trả cho bà Nguyễn Thị T T, ông Nguyễn Ngọc C số tiền: 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Ông Hồ Văn M và bà Ngô Thị Lệ T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Trả lại cho bà Nguyễn Thị T T tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T T khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn M và bà Ngô Thị Lệ T phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà T số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. ông Hồ Văn M và bà Ngô Thị Lệ T không chấp nhận yêu cầu này. Ngoài ra, các đương sự trong vụ án không còn yêu cầu gì khác. Cho nên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

trong vụ án này là “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và Điều 471 BLDS năm 2005.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T T:

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu và buộc ông M, bà T phải trả số tiền nợ là 300.000.000 đồng mà ông M đã vay vào ngày 29/6/2016 với thời hạn là 02 tháng (từ ngày 29/6/2016 đến ngày 29/8/2016). Ông M không đồng ý với yêu cầu này của bà T và cho rằng ông đã trả được 110.000.000 đồng, nhưng ông không đưa ra được chứng cứ nào chứng M. Tuy nhiên, trong quá trình lấy lời khai ông M đồng ý trả cho vợ chồng bà T số tiền là 300.000.000 đồng vào tháng 3/2018 (âm lịch) nếu bà T không đồng ý thì ông yêu cầu được trả dần số tiền trên mỗi tháng 2.000.000 đồng, cho đến khi trả đủ 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông M lại đồng ý trả cho bà T, ông C 300.000.000 đồng nhưng cho rằng đây là nợ riêng của cá nhân ông và ông không yêu cầu vợ ông là bà Ngô Thị Lệ T cùng chịu trách nhiệm. Bà T biết số tiền nợ này nhưng lại không đồng ý cùng ông M chịu trách nhiệm trả cho bà T, ông C.

Xét thấy, ông M và bà T là vợ chồng hợp pháp. Số tiền 300.000.000 đồng mà ông M vay của vợ chồng bà T, ông C thì bà T có nghe bà M thông báo. Tại phiên tòa hôm nay, bà T thừa nhận có biết đến số tiền nợ của chồng bà, nhưng chồng bà mượn dùm cho bạn chứ không dùng vào mục đích chung của gia đình. Bà T cho rằng, dù không đồng ý nhưng vì chồng đã mượn rồi nên bà không thể làm gì khác được. Điều này cho thấy, số tiền ông M vay của bà T, ông C thì bà T có biết và thừa nhận số nợ này.

Vì vậy, bà T phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một mình ông M thực hiện là phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà T buộc ông M, bà T phải liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền nợ 300.000.000 đồng là có căn cứ.

Nghĩ nên, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T T. Theo đó, cần buộc ông Hồ Văn M và bà Ngô Thị Lệ T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T T và ông Nguyễn Ngọc C số tiền 300.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474 BLDS năm 2005.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất trong hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị T T và ông Hồ Văn M:

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M yêu cầu ông M, bà T phải chịu lãi đối với số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông M và bà T không đồng ý với yêu cầu của bà M. Ông M chỉ đồng ý trả lãi từ thời điểm ông trả 110.000.000 đồng cho bà M. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có tính lãi. Do đó, yêu cầu tính lãi của vợ chồng bà T là có căn cứ.

Tại phiên tòa, ông M đã thừa nhận còn nợ bà T, ông C 300.000.000 đồng, vay từ ngày 29/6/2016 với thời hạn 02 tháng. Hiện nay ông M vẫn chưa trả số tiền này, do đó

ông M đã vi phạm hợp đồng từ ngày 29/8/2016. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử sơ thẩm để giải quyết về tiền lãi phát sinh tính từ ngày 29/8/2016 (theo quyết định số 2868/QĐ – NHNN, ngày 29/11/2010 thì lãi suất cơ bản tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 9%/năm, tương ứng với mức lãi suất 0,75%/tháng) là phù hợp với quy định tại Điều 305, 474, 476 BLDS năm 2005. Số tiền lãi được tính là: $300.000.000đ \times 0,75\% \times 16 \text{ tháng} = 36.900.000đ$.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi vợ chồng ông M, bà T còn nợ vợ chồng bà T, ông C là 336.900.000 đồng. Nghĩ nên, cần buộc ông Hồ Văn M và bà Ngô Thị Lệ T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T T và ông Nguyễn Ngọc C số tiền 336.900.000 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 474 BLDS năm 2005.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận, nên ông Hồ Văn M và bà Ngô Thị Lệ T phải chịu trách nhiệm nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét, ghi nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 203, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 305, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T T đối với ông Hồ Văn M về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*”.

- Buộc ông Hồ Văn M và bà Ngô Thị Lệ T phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T T và ông Nguyễn Ngọc C số tiền nợ là 336.900.000 đồng (*Ba trăm ba mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng*). Trong đó tiền nợ gốc là: 300.000.000đ và tiền lãi là: 36.900.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người

phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Hồ Văn M và bà Ngô Thị Lệ T phải nộp 16.845.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm sung Công quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T T số tiền là: 9.363.000 đồng (*Chín triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng*), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012150 ngày 04/10/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (10/01/2018), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- CC. THADS huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hiệp